| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 27-3-2019
V/v xin ly hôn.

# NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hồng

*Các Thẩm phán*: Bà Vũ Thị Nguyệt.

Ông Phan Minh Dũng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng***: ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2018/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1970; nơi cư trú tại Số A NVT, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1964; nơi cư trú tại Số A NVT, thị trấn DL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị V – Nguyên đơn

(*các đương sự có mặt tại phiên tòa*)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo bản án sơ thẩm,*

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Do bị thất lạc giấy đăng ký kết hôn nên hai người đã đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Oai, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 29/5/2014. Quá trình chung sống giữa vợ chồng hạnh phúc. Đầu năm 2017 bà phát hiện ông T không trung thực, giấu giếm và lừa dối bà, từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau,

trong lúc mâu thuẫn ông T thường xuyên chửi bới, xúc phạm đến bà và gia đình của bà, ông T có hành vi bạo lực, đe dọa trấn áp tinh thần bà. Nay bà xác định vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương nhau nữa, mặc dù sống chung cùng một nhà nhưng phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà V trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ năm 1989, thời gian ông công tác tại thủy điện Hòa Bình, trước khi kết hôn với bà V. Ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ tên là Nguyễn Thị M và có một người con riêng. Sau đó giữa ông và bà M không còn quan hệ nữa. Một thời gian dài sau này khi biết được con riêng, ông đã tâm sự cho bà V biết và ban đầu bà V đồng ý. Tuy nhiên, khoảng tháng 4/2017 khi cháu tìm gặp và ông giữ liên lạc với cháu thì bà V phát hiện, từ đó bà V nảy sinh ghen tuông không đáng, không cho nhận con riêng nên giữa ông và bà V phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù vậy ông xác định tình cảm giữa ông và bà V vẫn còn, ông tha thiết mong muốn được đoàn tụ gia đình, không muốn ly hôn vì con cái và muốn gia đình hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bảo D, sinh ngày 10/10/1993 và Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 22/02/1996, hiện nay 02 con đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, đều khỏe mạnh, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà V và ông T đều xác nhận không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà V xuất gồm: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, 02 bản sao Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Bảo D và Nguyễn Thị Bảo N; 01 bản sao Sổ hộ khẩu gia đình.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc *"Xin ly hôn"* đối với ông Nguyễn Thanh T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/11/2018, bà Nguyễn Thị V kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T và cho rằng giữa bà và ông T không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình được, do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, hai người

không tôn trọng và không thể tha thứ cho nhau để cùng nhau đoàn tụ gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử *(sau đây viết là HĐXX)* cho bà được ly hôn.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà V, ông T tha thiết xin được đoàn tụ vì không muốn ảnh hưởng đến cuộc sống và hộc tập của các con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V.

[1] Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 1992 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quốc Oai, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do ông T không trung thực trong cuộc sống vợ chồng, có sự che giấu mối quan hệ tình cảm và con riêng với người phụ nữ khác trước khi ông T kết hôn với bà V. Sau khi ông T xác lập lại mối liên lạc giữa ông và gia đình của người phụ nữ mà ông đã quen biết trước khi kết hôn với bà V thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cuộc sống gia đình gần như thường xuyên xãy ra xung đột, cải vả dẫn đến hai người không có sự tôn trọng lẫn nhau, bà V có yêu cầu xin được ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn. Phía ông T yêu cầu xin được đoàn tụ, nhưng khi bà V nhắc lại vấn đề mâu thuẩn nói trên thì ông T và V xãy ra xô xát, từ đó càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, ông T cũng không thể hiện sự chủ động trong việc giải quyết mâu thuẫn nên hai người thường xuyên xúc phạm lẫn nhau.

[2] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn HĐXX thấy rằng: Năm 2006 bà V đã có đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, nguyên nhân xin ly hôn do mâu thuẩn vợ chồng, nhưng sau đó bà rút đơn nên vụ án được TAND huyện Di Linh ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 11/2007/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2007. Ông Nguyễn Thanh T có bản tự khai thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn như lời bà V trình bày nhưng ông không đồng ý ly hôn vì không muốn ảnh hưởng đến việc học tập của 02 con. Tuy nhiên trong quá trình giải

quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa, điều đó cho thấy rằng mục đích xin đoàn tụ của ông T không thực sự xuất phát từ tình cảm yêu thương vợ chồng, lý do ông T đưa ra để không đồng ý ly hôn với bà V không phải vì mục đích hôn nhân theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam về tình nghĩa vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V xuất trình giấy phân chia tài sản chung vợ chồng vào ngày 14/10/2017, bà V và ông T đều thừa nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên hai người đã thỏa thuận lập giấy phân chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Như vậy cả ông T và bà V đều xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Cấp sơ thẩm chưa đánh giá hết tính chất của vụ án, bác đơn xin ly hôn của bà V là chưa xác định được thực trạng của quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T. HĐXX đã hòa giải phân tích giải thích các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng nguyên đơn vẫn yêu cầu được xin ly hôn do tình cảm yêu thương giữa vợ chồng đã hết. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V. Cho bà V và ông T được ly hôn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung quá trình chung sống giữa vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bảo D sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Bảo N sinh năm 1996 các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn và không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm do kháng cáo được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị V. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc *"Xin ly hôn"* đối với ông Nguyễn Thanh T. Cho bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thanh T được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0009110 ngày 04/7/2018 và Biên lai thu số AA/2016/0009251 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Hoàn trả cho bà V số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí còn thừa.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Di Linh (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Hữu Hồng**